

**DANH MỤC TIÊU CHUẨN VIỆT NAM HIỆN HÀNH**  
**VỀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH**  
**(TCVN, TCXD & TCXDVN : 1983 - 2025)**

**(CDCo cập nhật ngày 20/10/2025)**

| Ký hiệu Tiêu chuẩn | Tên Tiêu chuẩn                                                                                                                                                   |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CÁC VẤN ĐỀ CHUNG   |                                                                                                                                                                  |
| TCVN 2748:1991     | Phân cấp công trình xây dựng. Nguyên tắc chung                                                                                                                   |
| TCVN 4088:1997     | Số liệu khí hậu dùng trong thiết kế xây dựng                                                                                                                     |
| TCVN 4319:2012     | Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế                                                                                                      |
| TCVN 5568:2012     | Điều hợp kích thước theo mô đun trong xây dựng - Nguyên tắc cơ bản                                                                                               |
| TCVN 9254-1:2012   | Nhà và công trình dân dụng - Tủ vưng - Phần 1: Thuật ngữ chung                                                                                                   |
| TCVN 9255:2012     | Tiêu chuẩn tính năng trong toà nhà - Định nghĩa, phương pháp tính các chỉ số diện tích và không gian                                                             |
| TCVN 9359:2012     | Nền nhà chống nấm - Thiết kế và thi công                                                                                                                         |
| TCVN 13469-1:2022  | Hiệu quả năng lượng của tòa nhà – Đánh giá hiệu quả năng lượng tổng thể của tòa nhà – Phần 1: Khung tổng quát và các quy trình                                   |
| TCVN 13469-2:2022  | Hiệu quả năng lượng của tòa nhà – Đánh giá hiệu quả năng lượng tổng thể của tòa nhà – Phần 2: Giải thích và minh chứng cho TCVN 13469-1 (ISO 52000-1)            |
| TCVN 13470-1:2022  | Hiệu quả năng lượng của tòa nhà – Các chỉ số, yêu cầu, xếp hạng và giấy chứng nhận – Phần 1: Các khía cạnh chung và áp dụng đối với hiệu quả năng lượng tổng thể |
| TCVN 13470-2:2022  | Hiệu quả năng lượng của tòa nhà – Các chỉ số, yêu cầu, xếp hạng và giấy chứng nhận – Phần 2: Giải thích và minh chứng cho TCVN 13470-1(ISO 52003-1)              |
| TCVN 13471:2022    | Quy tắc kỹ thuật chung về đo lường, tính toán và thẩm định tiết kiệm năng lượng của các dự án                                                                    |
| TCVN 13472:2022    | Phương pháp luận xác định mức hiệu suất năng lượng                                                                                                               |
| TCVN 13521:2022    | Nhà ở và nhà công cộng – Các thông số chất lượng không khí trong nhà                                                                                             |
| TCVN 13788:2023    | Thiết kế có ý thức về môi trường – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn                                                                                              |
| TCVN 13982:2024    | Nhà vệ sinh công cộng trong đô thị - Yêu cầu thiết kế và vận hành                                                                                                |

|                 |                                                                                                     |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCXD 13:1991    | Phân cấp nhà và công trình dân dụng - Nguyên tắc chung                                              |
| TCXD 288:1998   | Lối đi cho người tàn tật trong công trình- Phần 1: Lối đi cho người dùng xe lăn – Yêu cầu thiết kế  |
| TCXDVN 264:2002 | Nhà và công trình - Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng |
| TCXDVN 265:2002 | Đường và hè phố - Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng   |

### CHỐNG ỒN – CÁCH ÂM

|                               |                                                                                                           |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 4923:1989                | Phương tiện và phương pháp chống ồn – Phân loại                                                           |
| TCVN 7192-1:2002              | Âm học. Đánh giá cách âm trong các công trình xây dựng và kết cấu xây dựng. Phần 1: Cách âm không khí     |
| TCVN 7192-2:2002/<br>SD1:2008 | Âm học. Đánh giá cách âm trong các công trình xây dựng và kết cấu xây dựng. Phần 2: Cách âm va chạm       |
| TCVN 7878-1:2018              | Âm học – Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường – Phần 1: Các đại lượng cơ bản và phương pháp đánh giá |
| TCVN 7878-2:2018              | Âm học – Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường – Phần 2: Xác định mức tiếng ồn môi trường             |
| TCVN 8018:2008                | Âm học. Quy trình thiết kế kiểm soát tiếng ồn cho nhà máy hồ                                              |
| TCXDVN 175:2005               | Mức ồn tối đa cho phép trong công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế                                   |
| TCXDVN 277:2002               | Cách âm cho các kết cấu phân cách bên trong nhà dân dụng                                                  |

### CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP

|                   |                                                                                                               |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 3904:1984    | Nhà của các xí nghiệp công nghiệp. Thông số hình học                                                          |
| TCVN 4514:2012    | Xí nghiệp công nghiệp - Tổng mặt bằng - Tiêu chuẩn thiết kế                                                   |
| TCVN 4604:2012    | Xí nghiệp công nghiệp - Nhà sản xuất - Tiêu chuẩn thiết kế                                                    |
| TCVN 8284:2009    | Nhà máy chế biến chè. Yêu cầu trong thiết kế và lắp đặt.                                                      |
| TCVN 13966-1:2024 | Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) - Công trình và thiết bị - Phần 1: Các yêu cầu chung cho thiết kế kho chứa nổi |

### NHÀ KHO

|                 |                                                  |
|-----------------|--------------------------------------------------|
| TCVN 4317:1986  | Nhà kho. Nguyên tắc cơ bản để thiết kế           |
| TCVN 5307:2009  | Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ. Yêu cầu thiết kế. |
| TCVN 13586:2022 | Kho bảo quản hiện vật bảo tàng - Các yêu cầu     |

### NHÀ Ở & CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

|                 |                                                                                     |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 3905:1984  | Nhà ở và nhà công cộng. Thông số hình học                                           |
| TCVN 4450:1987  | Căn hộ ở. Tiêu chuẩn thiết kế                                                       |
| TCVN 4451:2012  | Nhà ở. Nguyên tắc cơ bản để thiết kế                                                |
| TCVN 9258:2012  | Chống nóng cho nhà ở - Hướng dẫn thiết kế                                           |
| TCVN 9411:2012  | Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế                                                 |
| TCVN 13521:2022 | Nhà ở và nhà công cộng – Các thông số chất lượng không khí trong nhà                |
| TCVN 13967:2024 | Nhà ở riêng lẻ – Yêu cầu chung về thiết kế                                          |
| TCVN 13983:2024 | Chiếu sáng tự nhiên trong nhà ở và công trình công cộng - Yêu cầu thiết kế          |
| TCVN 14214:2024 | Nhà ở và công trình công cộng – Các yêu cầu đối với thông số vi khí hậu trong phòng |
| TCXD 126:1984   | Mức ồn cho phép trong nhà ở - Tiêu chuẩn thiết kế                                   |
| TCXD 150:1986   | Thiết kế chống ồn cho nhà ở                                                         |
| TCXDVN 266:2002 | Nhà ở. Hướng dẫn xây dựng để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng                 |

### CÔNG TRÌNH DU LỊCH

|                 |                                                                                                  |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 4391:2015  | Khách sạn. Xếp hạng                                                                              |
| TCVN 5065:1990  | Khách sạn. Tiêu chuẩn thiết kế                                                                   |
| TCVN 7795:2021  | Biệt thự du lịch – Xếp hạng                                                                      |
| TCVN 7796:2009  | Tiêu chuẩn bãi cắm trại du lịch.                                                                 |
| TCVN 7797:2009  | Làng du lịch. Xếp hạng.                                                                          |
| TCVN 7798:2014  | Căn hộ du lịch. Xếp hạng.                                                                        |
| TCVN 7799:2017  | Nhà nghỉ du lịch                                                                                 |
| TCVN 7800:2017  | Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê                                                            |
| TCVN 9506:2012  | Cơ sở lưu trú du lịch và các dịch vụ liên quan. Thuật ngữ và định nghĩa                          |
| TCVN 12870:2020 | Biệt thự nghỉ dưỡng - Yêu cầu chung về thiết kế                                                  |
| TCVN 12873:2020 | Căn hộ lưu trú - Yêu cầu chung về thiết kế                                                       |
| TCVN 14249:2024 | Du lịch và các dịch vụ liên quan – Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú – Các yêu cầu |

|                 |                                                                                                                   |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 14250:2024 | Du lịch và các dịch vụ liên quan – Hướng dẫn xây dựng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở lưu trú |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### **CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC**

|                |                                                             |
|----------------|-------------------------------------------------------------|
| TCVN 3907:2011 | Trường mầm non. Yêu cầu thiết kế                            |
| TCVN 3981:1985 | Trường đại học. Yêu cầu thiết kế                            |
| TCVN 4602:2012 | Trường trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế        |
| TCVN 5713:1993 | Phòng học trường phổ thông cơ sở. Yêu cầu vệ sinh học đường |
| TCVN 8793:2011 | Trường tiểu học – Yêu cầu thiết kế                          |
| TCVN 8794:2011 | Trường trung học – Yêu cầu thiết kế                         |
| TCVN 9210:2012 | Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế                       |

### **CÔNG TRÌNH THỂ DỤC THỂ THAO**

|                   |                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 4205:2012    | Công trình thể thao – Sân thể thao – Tiêu chuẩn thiết kế                                                                                                                                                                          |
| TCVN 4260:2012    | Công trình thể thao – Bể bơi – Tiêu chuẩn thiết kế                                                                                                                                                                                |
| TCVN 4529:2012    | Công trình thể thao – Nhà thể thao – Tiêu chuẩn thiết kế                                                                                                                                                                          |
| TCVN 4603:2012    | Công trình thể thao - Yêu cầu sử dụng và bảo quản                                                                                                                                                                                 |
| TCVN 13513:2022   | Mặt sân thể thao – Mặt sân thể thao đa năng trong nhà – Các yêu cầu                                                                                                                                                               |
| TCVN 13514-1:2022 | Mặt sân thể thao – Mặt cỏ nhân tạo và dạng thảm có lỗ dùng cho các môn thể thao ngoài trời – Phần 1: Các yêu cầu đối với mặt sân cỏ nhân tạo dùng cho bóng đá, khúc côn cầu, tập luyện bóng bầu dục, quần vợt và thể thao đa năng |
| TCVN 13514-2:2022 | Mặt sân thể thao – Mặt cỏ nhân tạo và dạng thảm có lỗ dùng cho các môn thể thao ngoài trời – Phần 2: Các yêu cầu đối với mặt sân dạng thảm có lỗ dùng cho quần vợt và sân thể thao đa năng                                        |
| TCVN 13515:2022   | Mặt sân thể thao – Bề mặt sân bằng vật liệu tổng hợp dành cho khu thể thao ngoài trời – Các yêu cầu                                                                                                                               |

### **CÔNG TRÌNH Y TẾ**

|                |                                                 |
|----------------|-------------------------------------------------|
| TCVN 4470:2012 | Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế         |
| TCVN 7022:2002 | Trạm y tế cơ sở. Yêu cầu thiết kế               |
| TCVN 8332:2010 | Phòng thí nghiệm y tế. Yêu cầu về an toàn       |
| TCVN 9212:2012 | Bệnh viện đa khoa khu vực - Tiêu chuẩn thiết kế |

|                    |                                                                                                                                               |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 9213:2012     | Bệnh viện quận huyện - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                                                    |
| TCVN 9214:2012     | Phòng khám đa khoa khu vực - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                                              |
| 52TCN-CTYT 37:2005 | Tiêu chuẩn thiết kế - Các khoa xét nghiệm (khoa vi sinh, khoa hóa sinh, khoa huyết học truyền máu và khoa giải phẫu bệnh) – Bệnh viện đa khoa |
| 52TCN-CTYT 38:2005 | Tiêu chuẩn thiết kế - Khoa phẫu thuật – Bệnh viện đa khoa                                                                                     |
| 52TCN-CTYT 39:2005 | Tiêu chuẩn thiết kế - Khoa cấp cứu, khoa điều trị tích cực và chống độc – Bệnh viện đa khoa                                                   |
| 52TCN-CTYT 40:2005 | Tiêu chuẩn thiết kế - Khoa chẩn đoán hình ảnh – Bệnh viện đa khoa                                                                             |

### **NGHĨA TRANG - CHÔN LẤP & XỬ LÝ CHẤT THẢI**

|                 |                                                                           |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 7956: 2008 | Nghĩa trang đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế                                  |
| TCVN 9412:2012  | Mộ và bia mộ - Tiêu chuẩn thiết kế                                        |
| TCVN 13439:2022 | Bãi chôn lấp chất thải nguy hại - Yêu cầu thiết kế                        |
| TCVN 13613:2023 | Lò phản ứng khí hóa xử lý chất thải rắn - Yêu cầu kỹ thuật                |
| TCVN 13753:2023 | Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt – Yêu cầu thiết kế |

### **CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

|                 |                                                           |
|-----------------|-----------------------------------------------------------|
| TCVN 8753:2011  | Sân bay dân dụng - Yêu cầu chung về thiết kế và khai thác |
| TCVN 10907:2015 | Sân bay dân dụng - Mặt đường sân bay - Yêu cầu thiết kế   |
| TCVN 12575:2019 | Cảng hàng không dân dụng - Yêu cầu quy hoạch              |
| TCVN 14208:2024 | Đường sắt khổ 1435 mm – Thiết kế ga và đầu mối            |

### **CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI**

|                 |                                                                |
|-----------------|----------------------------------------------------------------|
| TCVN 4530:2011  | Cửa hàng xăng dầu- Yêu cầu thiết kế                            |
| TCVN 6223:2017  | Cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) - Yêu cầu chung về an toàn. |
| TCVN 9211:2012  | Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế                                      |
| TCVN 12872:2020 | Nhà thương mại liên kế - Yêu cầu chung về thiết kế             |

### **CÔNG SỞ - VĂN PHÒNG**

|                 |                                                        |
|-----------------|--------------------------------------------------------|
| TCVN 4601:2012  | Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế |
| TCVN 12871:2020 | Văn phòng kết hợp lưu trú - Yêu cầu chung về thiết kế  |

### **CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ**

|                |                                                      |
|----------------|------------------------------------------------------|
| TCVN 5577:2012 | Rạp chiếu phim - Tiêu chuẩn thiết kế                 |
| TCVN 9365:2012 | Nhà văn hoá thể thao - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế |
| TCVN 9369:2012 | Nhà hát - Tiêu chuẩn thiết kế                        |

### **CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP**

|                 |                                                     |
|-----------------|-----------------------------------------------------|
| TCVN 3906:1984  | Nhà nông nghiệp - Thông số hình học                 |
| TCVN 3995:1985  | Kho phân khoáng khô - Yêu cầu thiết kế              |
| TCVN 3996:1985  | Kho giống lúa - Yêu cầu thiết kế                    |
| TCVN 4089:1985  | Trạm thú y huyện - Yêu cầu thiết kế                 |
| TCVN 5452:1991  | Cơ sở giết mổ - Yêu cầu vệ sinh                     |
| TCVN 9121:2012  | Trại chăn nuôi gia súc lớn. Yêu cầu chung           |
| TCVN 13648:2023 | Chuồng nuôi cá sấu nước ngọt - Yêu cầu kỹ thuật     |
| TCVN 14209:2024 | Trại nuôi lợn nhiều tầng – Yêu cầu chung            |
| TCVN 14210:2024 | Chuồng nuôi các loài linh trưởng – Yêu cầu kỹ thuật |

### **CÔNG TRÌNH QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

|                   |                                                                                                                       |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 12635-1:2019 | Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 1: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm khí tượng bề mặt          |
| TCVN 12635-2:2019 | Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 2: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm thủy văn                  |
| TCVN 12635-3:2019 | Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 3: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm hải văn                   |
| TCVN 12635-7:2025 | Công trình quan trắc khí tượng thủy văn – Phần 7: Bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện đo khí tượng thủy văn |

### **ĐỒ GỖ NỘI THẤT & NGOÀI TRỜI - CỬA ĐI, CỬA SỔ & PHỤ TÙNG CỬA**

|                  |                                                                              |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 5372:2023   | Đồ gỗ nội thất – Phương pháp xác định đặc tính ngoại quan và tính chất cơ lý |
| TCVN 5373:2020   | Đồ gỗ nội thất                                                               |
| TCVN 5762:1993   | Khóa cửa có tay nắm – Yêu cầu kỹ thuật.                                      |
| TCVN 7451:2004   | Cửa sổ và cửa đi bằng khung nhựa cứng U-PVC. Quy định kỹ thuật               |
| TCVN 9366-1:2012 | Cửa đi, cửa sổ - Phần 1: Cửa gỗ                                              |
| TCVN 9366-2:2012 | Cửa đi, cửa sổ - Phần 2: Cửa kim loại                                        |

|                   |                                                                                                                                                    |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 11857:2017   | Đặc trưng nhiệt của cửa sổ, cửa đi và kết cấu che nắng - Tính toán chi tiết                                                                        |
| TCVN 13554-1:2022 | Đồ gỗ ngoài trời - Bàn và ghế dùng cho cắm trại, ngoại thất gia đình và công cộng - Phần 1: Yêu cầu an toàn chung                                  |
| TCVN 13554-2:2022 | Đồ gỗ ngoài trời - Bàn và ghế dùng cho cắm trại, ngoại thất gia đình và công cộng - Phần 2: Yêu cầu an toàn cơ học và phương pháp thử cho ghế ngồi |
| TCVN 13554-3:2022 | Đồ gỗ ngoài trời - Bàn và ghế dùng cho cắm trại, ngoại thất gia đình và công cộng - Phần 3: Yêu cầu an toàn cơ học và phương pháp thử cho bàn      |
| TCXD 92:1983      | Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Bản lề cửa                                                                                                             |
| TCXD 93:1983      | Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Ke cánh cửa                                                                                                            |
| TCXD 94:1983      | Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Tay nắm chốt ngang                                                                                                     |

### QUY HOẠCH

|                 |                                                                                     |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 4092:1985  | Hướng dẫn thiết kế quy hoạch điểm dân cư nông trường                                |
| TCVN 4417:1987  | Quy trình lập sơ đồ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng                                |
| TCVN 4418:1987  | Hướng dẫn lập đồ án quy hoạch xây dựng huyện                                        |
| TCVN 4448:1987  | Hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng thị trấn, huyện lỵ                                 |
| TCVN 4449:1987  | Quy hoạch xây dựng đô thị. Tiêu chuẩn thiết kế                                      |
| TCVN 4454:2012  | Quy hoạch xây dựng nông thôn. Tiêu chuẩn thiết kế                                   |
| TCVN 4616:1988  | Quy hoạch mặt bằng tổng thể cụm công nghiệp. Tiêu chuẩn thiết kế                    |
| TCVN 8270:2009  | Quy hoạch cây xanh sử dụng hạn chế và chuyên dụng trong đô thị. Tiêu chuẩn thiết kế |
| TCVN 9257:2012  | Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế         |
| TCVN 12575:2019 | Cảng hàng không dân dụng - Yêu cầu quy hoạch                                        |
| TCVN 13592:2022 | Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế                                                     |

### HỆ THỐNG GIAO THÔNG THÔNG MINH

|                   |                                                                                                                                                                             |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 13599-1:2022 | Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 1: Nguyên tắc chung và khung tài liệu cho các hồ sơ ứng dụng              |
| TCVN 13599-2:2022 | Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 2: Giao tiếp giữa trung tâm và các thiết bị liên quan bằng giao thức SNMP |

|                   |                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 13599-3:2022 | Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 3: Hồ sơ ứng dụng – Trao đổi dữ liệu (AP-DATEX)                                                                                                    |
| TCVN 13600-1:2022 | Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 1: Các yêu cầu định nghĩa thông điệp                                                                       |
| TCVN 13600-2:2022 | Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 2: DATEX-ASN                                                                                               |
| TCVN 13600-3:2022 | Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 3: Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giao thông thông minh (ITS) sử dụng XML (Hồ sơ A) |
| TCVN 13910-1:2024 | Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS – Phần 1: Yêu cầu đối với định nghĩa dữ liệu ITS                                                                                                                                      |
| TCVN 13910-2:2024 | Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS - Phần 2: Quản lý đăng ký khái niệm dữ liệu ITS trung tâm                                                                                                                             |
| TCVN 13910-3:2024 | Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS – Phần 3: Gán mã định danh đối tượng cho các khái niệm dữ liệu ITS                                                                                                                    |

### **ĐÔ THỊ THÔNG MINH**

|                 |                                                                                                          |
|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN 14168:2024 | Đô thị thông minh – Hướng dẫn thiết lập mô hình liên thông dữ liệu                                       |
| TCVN 14169:2024 | Đô thị thông minh – Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định đối với chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin |
| TCVN 14170:2024 | Đô thị thông minh – Khung dữ liệu mở                                                                     |

### **KHÍ NHÀ KÍNH – QUANG ĐIỆN CHO TÒA NHÀ**

|                       |                                                                                                                                                             |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCVN ISO 14064-1:2025 | Khí nhà kính – Phần 1: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn định lượng và báo cáo các phát thải và loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ tổ chức                          |
| TCVN ISO 14064-2:2025 | Khí nhà kính – Phần 2: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn để định lượng, giám sát và báo cáo giảm phát thải hoặc tăng cường loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ dự án |
| TCVN ISO 14064-3:2025 | Khí nhà kính – Phần 3: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng các tuyên bố khí nhà kính                               |
| TCVN ISO 14083:2025   | Khí nhà kính – Định lượng và báo cáo phát thải khí nhà kính phát sinh từ vận hành chuỗi vận chuyển                                                          |
| TCVN 14299-1:2025     | Quang điện cho tòa nhà – Phần 1: Yêu cầu đối với mô-đun quang điện tích hợp tòa nhà                                                                         |

### **DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN ĐÃ HỦY BỎ**

| <b>Ký hiệu Tiêu chuẩn</b> | <b>Tên Tiêu chuẩn</b>                                                |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| TCVN 1439:1973            | Bàn ghế học sinh. Cỡ số và kích thước cơ bản                         |
| TCVN 1646:1975            | Bàn ghế mẫu giáo. Cỡ số và kích thước cơ bản                         |
| TCVN 3772:1983            | Trại nuôi lợn - Yêu cầu thiết kế                                     |
| TCVN 3773:1983            | Trại nuôi gà - Yêu cầu thiết kế                                      |
| TCVN 3774:1983            | Trại giống lúa cấp 1 - Yêu cầu thiết kế                              |
| TCVN 3775:1983            | Nhà ủ phân chuồng. Yêu cầu thiết kế                                  |
| TCVN 3978:1984            | Trường học phổ thông. Tiêu chuẩn thiết kế                            |
| TCVN 3997:1985            | Trại nuôi trâu bò - Yêu cầu thiết kế                                 |
| TCVN 4319:1986            | Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế          |
| TCVN 4515:1988            | Nhà ăn công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế                                |
| TCVN 4518:1988            | Trạm cơ khí nông nghiệp huyện – Xưởng sửa chữa - Tiêu chuẩn thiết kế |
| TCVN 4602:1988            | Trường trung học chuyên nghiệp. Tiêu chuẩn thiết kế                  |
| TCVN 7795:2009            | Biệt thự du lịch. Xếp hạng                                           |
| TCXD 192:1996             | Cửa gỗ. Cửa đi, cửa sổ - Yêu cầu kỹ thuật                            |
| TCXD 213:1998             | Nhà và công trình dân dụng - Từ vựng - Thuật ngữ chung               |
| TCXD 230:1998             | Nền nhà chống nấm - Tiêu chuẩn thiết kế thi công                     |
| TCXD 237:1999             | Cửa kim loại. Cửa đi, cửa sổ - Yêu cầu kỹ thuật chung                |
| TCXDVN 60:2003            | Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế                                |
| TCXDVN 104:2007           | Đường đô thị. Yêu cầu thiết kế                                       |
| TCXDVN 260:2002           | Trường mầm non - Tiêu chuẩn thiết kế                                 |
| TCXDVN 275:2002           | Trường trung học chuyên nghiệp. Tiêu chuẩn thiết kế                  |
| TCXDVN 276:2003           | Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế                 |

|                                      |                                                                                                      |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TCXDVN 287:2004                      | Công trình thể thao - Sân thể thao - Tiêu chuẩn thiết kế                                             |
| TCXDVN 288:2004                      | Công trình thể thao – Bể bơi - Tiêu chuẩn thiết kế                                                   |
| TCXDVN 289:2004                      | Công trình thể thao - Nhà thể thao - Tiêu chuẩn thiết kế                                             |
| TCXDVN 293:2003                      | Chống nóng cho nhà ở - Chỉ dẫn thiết kế                                                              |
| TCXDVN 306: 2004                     | Nhà ở và công trình công cộng - Các thông số vi khí hậu trong phòng                                  |
| TCXDVN 323:2004                      | Nhà ở cao tầng - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                 |
| TCXDVN 339:2005                      | Tiêu chuẩn, tính năng trong tòa nhà- Định nghĩa, phương pháp tính các chỉ số diện tích và không gian |
| TCXDVN 353:2005                      | Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                  |
| TCXDVN 355:2005                      | Tiêu chuẩn thiết kế nhà hát phòng khán giả - Yêu cầu kỹ thuật                                        |
| TCXDVN 361:2006                      | Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                            |
| TCXDVN 362:2005                      | Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế                          |
| TCXDVN 365:2007                      | Bệnh viện đa khoa - Hướng dẫn thiết kế                                                               |
| QĐ số 1327/QĐ-BYT<br>ngày 18/04/2002 | Tiêu chuẩn thiết kế phòng khám đa khoa khu vực                                                       |
| 52TCN-CTYT 41:2005                   | Tiêu chuẩn thiết kế bệnh viện quận huyện – Tiêu chuẩn ngành                                          |

